

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: 51/2022/CBSP-NUTRI

SỐ TNĐKSP: 075/2022/ĐKSP

NUTRICARE COLOS24H GROW PLUS 2+

Năm 2022

UBND TỈNH BẮC NINH
BAN QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 12 năm 2022

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỐ: 075/2022/ĐKSP

Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **Nutricare Colos24h Grow Plus 2+**

do Nhà máy CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE; địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh sản xuất phù hợp với:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Quyết định số 38/QĐ-BYT Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 51/2022/TCSP-NUTRI

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./. 

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.



Nguyễn Vinh Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 51/2022/CBSP-NUTRI

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ trụ sở: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ VP GD: Số 1 LK2 KĐT Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

II. Thông tin về sản phẩm:

1. **Tên sản phẩm: Nutricare Colos24h Grow Plus 2+**

2. **Thành phần:**

Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Sữa non, DHA từ dầu cá, Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

3. **Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):** Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

3. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

Quy cách bao gói: Hộp/Lon/Túi. Khối lượng tịnh: 45 g, 50 g, 90 g, 100 g, 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).



Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

4. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà máy CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn phụ sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 51/2022/TCSP-NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 12 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g bột Per 100g	Trong 1 ly pha chuẩn Per serving (210 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	488	220
Barn/Protein	g	16,5	7,43
Lysine/Lysine	mg	1147	516
Leucine/Leucine	mg	1325	596
Isoleucine/Isoleucine	mg	739	333
Valine/Valine	mg	875	394
Arginine/Arginine	mg	614	276
Histidine/Histidine	mg	378	170
Phenylalanine/Phenylalanine	mg	626	282
Tyrosine/Tyrosine	mg	527	237
Threonine/Threonine	mg	620	279
Methionine/Methionine	mg	323	145
Tryptophan/Tryptophan	mg	195	877
Cystine/Cystine	mg	171	771
Aspartic acid/Glutamic acid	mg	2996	1348
Aspartic acid/Aspartic acid	mg	1189	535
Glycine/Glycine	mg	321	144
Alanine/Alanine	mg	489	220
Proline/Proline	mg	1277	575
Serine/Serine	mg	783	352
Cholesterol/Lipid	g	24,0	10,9
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	22,0	9,9
Carbohydrate tổng/Total carbohydrate	g	53,4	24,0
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	3,00	1,35
Prebiotics (FOS/Inulin)	mg	100	45,0
Sữa non/Colostrum	mg	20,0	9,00
IGG	mg	20,0	9,00

VITAMIN/VITAMINS			
Vitamin A	IU	1333	600
Vitamin D3	IU	187	84,1
Vitamin E	IU	8,32	3,74
Vitamin K1	µg	14,7	6,63
Vitamin C	mg	61,7	27,7
Vitamin B1	µg	448	202
Vitamin B2	µg	938	422
Niacin	µg	6911	3110
Ascorbic acid/Pantothenic acid	µg	1943	874
Vitamin B6	µg	789	355
Ascorbic acid/Folic acid	µg	113	51,0
Vitamin B12	µg	1,54	0,69
Biotin	µg	11,9	5,36

KHOÁNG CHẤT/MINERALS			
Sodium	mg	261	117
Potassium	mg	455	205
Chloride	mg	522	235
Calcium	mg	586	264
Phosphorus	mg	420	189
Magnesium	mg	65,0	29,3
Sulfur	mg	5,04	2,27
Zinc	mg	7,20	3,24
Manganese	µg	622	280
Copper	µg	160	71,8
Iodine	µg	102	45,9
Selenium	µg	5,90	2,66
Chromium	µg	4,13	1,86
Molybdenum	µg	18,9	8,49

1 THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Sữa non, DHA từ dầu cá, Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

2 HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/INSTRUCTIONS FOR PREPARATION:

Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha.
Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45 - 50°C).

Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4.5 muỗng gạt Nutricare Colos24h Grow Plus 2+ (tương đương 45 g)./Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4.5 scoops (approximately 45 g) of Nutricare Colos24h Grow Plus 2+.

Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml Nutricare Colos24h Grow Plus 2+. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng.
Stir well until the powder is completely dissolved to get 210 ml Nutricare Colos24h Grow Plus 2+. Check the heat before feeding.

Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Finishing using Nutricare Colos24h Grow Plus 2+ reconstituted feeding 1 hour after preparation.

3 LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

- Dùng 2 ly/ngày cho trẻ từ 2 - 3 tuổi./Use 2 servings per day for children from 2 - 3 years of age.
- 2 - 3 ly/ngày cho trẻ từ 3 - 10 tuổi./2 - 3 servings per day for children from 3 - 10 years of age.
- Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./Or follow doctor/dietitian's instructions.

Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Tòa nhà Nutcare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại: 024.66.833.368

Sản xuất tại: Nhà máy Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam.

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018.

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP.

Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.

SỐ TĐ&KSP: NSX và HSD: Xem trên bao bì.



TƯ VẤN DINH DƯỠNG
MIỄN BẮC: 1800.6011 (Miễn phí)
MIỄN NAM: 028.73.009.888
www.nutricare.com.vn



NUTRICARE



+DHA

COLOS^{24h}
GROW PLUS
DINH DƯỠNG CHO TRẺ NHẸ CÂN THẤP CÒI



SỮA NON 24h



2⁺

Net.wt 850 g
Khối lượng tịnh
SẢN PHẨM DINH DƯỠNG
Dành cho trẻ 2 - 10 tuổi

NUTRICARE COLOS24H GROW PLUS 2+

52 ĐƯỜNG CHẤT
CAO NĂNG LƯỢNG 100Kcal

Trẻ suy dinh dưỡng, nhẹ cân thấp còi nếu không được chăm sóc kịp thời sẽ dẫn đến trẻ kém phát triển về chiều cao và cân nặng; việc thiếu hụt dinh dưỡng, trẻ có nguy cơ giảm sức đề kháng và khả năng ốm bệnh cao.

Bổ sung 52 ĐƯỜNG CHẤT thiết yếu, cùng NĂNG LƯỢNG CAO 100 Kcal/100 ml THEO KHUYẾN NGHỊ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI*



TĂNG CÂN KHỎE MẠNH

Cao năng lượng 100 Kcal/100 ml theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cho trẻ suy dinh dưỡng và Đạm chất lượng cao** cùng 18 axit amin giúp trẻ tăng cân khỏe mạnh.

Lysine cùng Kẽm thúc đẩy quá trình chuyển hóa năng lượng, giúp trẻ ăn ngon miệng.

TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG VÀ TIÊU HÓA

Sữa non 24h nhập khẩu trực tiếp từ Mỹ chứa 20% kháng thể IgG cùng Kẽm và hệ Antioxidant (Vitamin A, C, E, Selen) giúp trẻ tăng sức đề kháng.

Chất xơ hòa tan (Prebiotics) giúp tăng hệ vi khuẩn có lợi, hỗ trợ hệ tiêu hóa của trẻ, chống táo bón.



HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Bộ 3 đường chất Canxi, Vitamin D3, Phốt pho giúp phát triển hệ xương và chiều cao của trẻ; đáp ứng theo nhu cầu khuyến nghị của Bộ Y tế, phù hợp với thể trạng của trẻ em Việt Nam.



HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÃO BỘ

DHA là đường chất quan trọng hỗ trợ phát triển não bộ, cùng Axit folic hỗ trợ khả năng ghi nhớ, học hỏi của trẻ.

(*) Năng lượng đạt 100 kcal/100 ml theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cho trẻ suy dinh dưỡng

(**) Đạm từ sữa và đậu nành là đạm chất lượng cao

4 BẢO QUẢN/STORAGE:

- Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.
- Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

5 CÔNG DỤNG/FEATURES:

Nutricare Colos24h Grow Plus 2+ thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm chất lượng cao, cùng các đường chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi.
Nutricare Colos24h Grow Plus 2+ replaces snacks, supplements Energy, high-quality Protein and necessary nutrients for the development of children, suitable for physiological ages.

6 ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

- Trẻ từ 2 - 10 tuổi./For children from 2 - 10 years old.
- Trẻ nhẹ cân, biếng ăn, suy dinh dưỡng, trẻ có nhu cầu bổ sung thêm Năng lượng, Đạm và Vi chất dinh dưỡng vào khẩu phần ăn.
Underweight children, children with anorexia, malnourished, or children who need to add more Energy, Protein and Micronutrients to their diets.

CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
SỐ: 51/2022/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.
Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội.

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, liền kề 2, KĐT Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Nutricare Colos24h Grow Plus 2+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Sữa non, DHA từ dầu cá, Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:



Thành phần <i>Components</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Mức tối thiểu trong 100 g bột <i>Minimum per 100 g</i>
Năng lượng/Energy	kcal	390
Đạm/Protein	g	13.2
Lysin/Lysine	mg	918
Leucin/Leucine	mg	1060
Isoleucin/Isoleucine	mg	591
Valin/Valine	mg	700
Arginin/Arginine	mg	491
Histidin/Histidine	mg	302
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	501
Tyrosin/Tyrosine	mg	422
Threonin/Threonine	mg	496
Methionin/Methionine	mg	258
Tryptophan/Tryptophan	mg	156
Cystin/Cystine	mg	137
Axit glutamic/Glutamic acid	mg	2397
Axit aspartic/Aspartic acid	mg	951
Glycin/Glycine	mg	257
Alanin/Alanine	mg	391
Prolin/Proline	mg	1022
Serin/Serine	mg	626
Chất béo/Lipid	g	19.2
DHA (<i>Docosahexaenoic acid</i>)	mg	17.6
Carbohydrate tổng/Total carbohydrate	g	42.7
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin) <i>Prebiotics (FOS/Inulin)</i>	g	2.40
Sữa non/Colostrum	mg	80.0
IgG	mg	16.0
Vitamin/Vitamins		
Vitamin A	IU	1066
Vitamin D3	IU	150
Vitamin E	IU	6.66
Vitamin K1	µg	11.8
Vitamin C	mg	49.4
Vitamin B1	µg	358
Vitamin B2	µg	750
Niacin	µg	5529

Axit pantothenic/ <i>Pantothenic acid</i>	µg	1554
Vitamin B6	µg	631
Axit folic/ <i>Folic acid</i>	µg	90.4
Vitamin B12	µg	1.23
Biotin	µg	9.52
Khoáng chất/Minerals		
Natri/ <i>Sodium</i>	mg	209
Kali/ <i>Potassium</i>	mg	364
Clo/ <i>Chloride</i>	mg	418
Canxi/ <i>Calcium</i>	mg	469
Phốt pho/ <i>Phosphorus</i>	mg	336
Magiê/ <i>Magnesium</i>	mg	52.0
Sắt/ <i>Iron</i>	mg	4.03
Kẽm/ <i>Zinc</i>	mg	5.76
Mangan/ <i>Manganese</i>	µg	498
Đồng/ <i>Copper</i>	µg	128
I-ốt/ <i>Iodine</i>	µg	81.6
Selen/ <i>Selenium</i>	µg	4.72
Crôm/ <i>Chromium</i>	µg	3.30
Molypden/ <i>Molybdenum</i>	µg	15.1

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm. (thuộc nhóm sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ dưới 36 tháng và các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10g	KPH
3	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. (Thuộc nhóm sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ dưới 36 tháng tuổi).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l	0.02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
4	Asen	mg/kg	0.5
5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm. (Thuộc nhóm sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ dưới 36 tháng tuổi)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0.5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

5.4. Hàm lượng Melamin: Tuân theo Quyết định số 38/2008/QĐ – BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Melamine	mg/kg	1

5.5. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Lượng dùng khuyến nghị

Dùng 2 ly/ngày cho trẻ từ 2 - 3 tuổi; 2 - 3 ly/ngày cho trẻ từ 3 – 10 tuổi.

7. Hướng dẫn cách pha

1) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha.

2) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 45 g Nutricare Colos24h Grow Plus 2+.

3) Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml Nutricare Colos24h Grow Plus 2+. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng.

Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

8. Đối tượng sử dụng

Dành cho trẻ từ 2 – 10 tuổi. Trẻ nhẹ cân, biếng ăn, suy dinh dưỡng, trẻ có nhu cầu bổ sung thêm Năng lượng, Đạm và Vi chất dinh dưỡng vào khẩu phần ăn.

9. Công dụng

Nutricare Colos24h Grow Plus 2+ thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm chất lượng cao, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi.

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Hộp/Lon/Túi. Khối lượng tịnh: 45 g, 50 g, 90 g, 100 g, 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất tại: Nhà máy Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,

Hệ thống thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,

Hệ thống Quản lý môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh